TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 5 năm 2020
V*/v chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Bùi Nguyên Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 4 và ngày 04 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2020, các quyết định hoãn phiên tòa và Thông báo về việc tiếp tục mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 01 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1976. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng P. Sinh năm: 1976. Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 23/12/2019 và bản tự khai ngày 25/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm,nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Nguyễn Hồng P kết hôn với nhau vào năm 2000. Trong 19 năm chung sống, do anh P có lối sống không lành mạnh nên chị đã khởi kiện xin ly hôn với anh P và đã được Tòa án nhân dân huyện MS giải quyết vào ngày

30/8/2019 tại bản án số 77/2019/HNGĐ-ST. Khi ly hôn chị không yêu cầu tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung vì anh chị muốn được tự thỏa thuận. Tuy nhiên, chị đã nhiều lần đề nghị với anh P về vấn đề tài sản nhưng anh P đều không hợp tác nên chị làm đơn đề nghị tòa án giải quyết, chia tài sản chung của chị và anh P trong thời kỳ anh chị là vợ chồng.

Về phần tài sản chung của vợ chồng, chị H khai gồm có: 01 căn nhà cấp 4 lợp tôn xây dựng năm 2014 được làm trên diện tích đất khoảng 80m2 mang tên chị Nguyễn Thị H có nguồn gốc là do bố mẹ đẻ cho chị; 01 xe máy nhãn hiệu Honda BKS 26B-94568 mang tên Nguyễn Thị H; 01 bộ bàn ghế gỗ pơmu mua năm 2017; 01 kệ ti vi mua năm 2014; 01 tivi mua năm 2014; 01 tủ quần áo mua năm 2015; 01 bếp ga mua năm 2015, 02 giường ngủ mua năm 2014, 01 tủ lạnh mua năm 2008; 01 máy giặt mua năm 2012. Do điều kiện khó khăn một mình phải nuôi hai con nhỏ ăn học, hiện tại chị phải đi ở nhờ và muốn ổn định cuộc sống nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Về phần tài sản, chị muốn chia làm 3 phần, một phần cho chồng, một phần cho chị và một phần cho các con.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/01/2020, bị đơn anh Nguyễn Hồng P khai nhận như sau:

Tài sản chung của anh và chị H có đất và nhà làm trên đất tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nguồn gốc đất là do xã cấp cho vợ chồng anh chị. Tại thời điểm cấp đất, do anh P chưa có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La nên chị H đứng tên trên mặt giấy tờ bàn giao đất của xã với gia đình. Hiện giấy tờ đất trong nhà khi anh P về quê 03 ngày chị H đã về mở két sắt để lấy toàn bộ giấy tờ mang đi. Năm 2001, anh là người đi nộp thuế tại Chi cục thuế. Nhà trên đất do một mình anh P làm ăn kinh tế để xây dựng lên. Ngoài ra, tài sản chung của vợ chồng anh chị còn có 01 bộ bàn ghế, anh đã mang cho hiện không còn trong gia đình, 01 ti vi, 01 kệ ti vi và 01 xe máy là phương tiện đi lại trong gia đình. Trước đó, anh P có ý kiến 2 bên tự thỏa thuận phân chia tài sản chung nhưng chị H dọa sẽ thuê xã hội đen đến gây rối. Các tài sản trong gia đình đều do một tay anh P làm nên. Anh không nhất trí ly hôn với chị H.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ như yêu cầu đương sự xuất trình, bổ sung chứng cứ, xác minh về nguồn gốc sử dụng đất, tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đang tranh chấp, xác minh tại UBND xã CN và các hộ liền kề để xác định nguồn gốc sử dụng đất cũng như quá trình hình thành tài sản chung của vợ chồng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2020 xác định:

Toàn bộ tài sản đang tranh chấp trong vụ án gồm:

1.1. Quyền sử dụng 98,5m2 đất tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc dài 5m giáp đường dân sinh

Phía Đông dài 19,7m giáp đất anh Hoàng Văn Th sử dụng

Phía Tây dài 19,7m giáp đất nhà ông bà YT;

Phía Nam dài 5m giáp đất quy hoạch bến xe cũ.

Trong 98,5m2 đất sử dụng có 75m2 đất thuộc đất quy hoạch bến xe theo Quyết định số 1331 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt dự án khu đô thị mới ngã ba CN.

Toàn bộ phần diện tích đất đã được anh P, chị H xây dựng nhà cấp 4, tường 10, mái lợp tôn và công trình phụ trên đất gồm nhà vệ sinh và khu vực bán mái đằng trước nhà, phía giáp đường.

1.2. Các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm:

01 kệ tủ ti vi, 02 giường ngủ, 01 tủ học sinh còn giá trị sử dụng. Ngoài ra trong gia đình còn có: 01 tivi Samsung; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 máy lọc nước, 01 máy giặt, 01 bếp ga không sử dụng từ lâu đã bị hư hỏng không còn sử dụng được.

Tại thời điểm xem xét không xem xét được 01 bộ bàn ghế gỗ và 01 xe máy theo lời khai của chị H do anh P mang đi sử dụng.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 14/01/2020 xác định: Giá trị quyền sử dụng đất là 200.000.000đ; giá trị nhà cùng công trình khác xây dựng trên đất là 160.231.500đ; các tài sản là vật dụng trong gia đình gồm: 01 kệ ti vi trị giá 2.000.000đ; 02 giường ngủ trị giá 2.000.000đ; 01 bàn học trị giá 500.000đ; 01 bộ bàn ghế gỗ pơmu trị giá 10.000.000đ; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead trị giá 28.000.000đ.

Qua hòa giải tại Tòa án, do hai bên không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, chị H tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện đồng thời có nguyện vọng đề nghị Tòa án xem xét phân chia tài sản chung của vợ chồng anh chị theo đúng quy định của pháp luật. Nếu có thể thì chia cho chị phần tài sản hơn, giao nhà đất cho chị quản lý sử dụng để chị trả chênh lệch cho anh P vì hiện tại chị không có chỗ ở, phải đi ở nhờ và chị còn đang phải nuôi các con ăn học.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn không có mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều

271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014,

Khoản 2 Điều 49, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Quyết định theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng P theo nguyên tắc chia đôi tài sản chung, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản sau:

Quyền sử dụng 98,5m2 đất tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc dài 5m giáp đường dân sinh

Phía Đông dài 19,7m giáp đất anh Hoàng Văn Th sử dụng

Phía Tây dài 19,7m giáp đất nhà ông bà YT;

Phía Nam dài 5m giáp đất quy hoạch bến xe cũ.

Trong 98,5m2 đất sử dụng có 75m2 đất thuộc đất quy hoạch bến xe theo Quyết định số 1331 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt dự án khu đô thị mới ngã ba CN. Giá trị quyền sử dụng đất là 200.000.000đ.

Và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4, tường 10, mái lợp tôn và công trình phụ trên đất gồm nhà vệ sinh và khu vực bán mái đằng trước nhà trị giá: 160.231.500đ; các tài sản trong nhà gồm có: 01 kệ ti vi trị giá 2.000.000đ; 02 giường ngủ trị giá 2.000.000đ; 01 bàn học trị giá 500.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà chị H được sở hữu, sử dụng là 364.731.000đ.

Anh P được sở hữu tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead Biển kiểm soát 26B1-945.68 mang tên Nguyễn Thị H trị giá 28.000.000đ, 01 bộ bàn ghế gỗ pơmu trị giá 15.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà anh P được sở hữu là 43.000.000đ.

Chị H có trách nhiệm trả cho anh P phần giá trị tài sản chênh lệch được hưởng là 160.865.500đ.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H và anh P kết hôn với nhau từ năm 2000, đến năm 2019 thì ly hôn. Tại bản án số 77/2019/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện MS đã xét xử cho chị H được ly hôn với anh P, đồng thời phân chia trách nhiệm nuôi dưỡng con chưa thành niên khi ly hôn. Riêng phần tài sản chung và nợ chung anh chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Tuy nhiên sau đó chị H và anh P không thống nhất được việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn nên chị đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện MS giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 thì Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ là tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là có căn cứ đúng với quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án: Nhiều lần Tòa án tiến hành tống đạt trực tiếp cho anh P các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo kết quả thu thập chứng cứ...nhưng anh P và đã từ chối nhận các văn bản của Tòa án nhân dân huyện MS. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các quyết định, giấy triệu tập của Tòa án cho anh P. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Nguyễn Hồng P. Anh P đều vắng mặt tại Tòa án 2 lần liên tiếp mà không có lý do. Căn cứ khoản 3, khoản 5 điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật dân sự 2015, thì Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn Hồng P và thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt anh P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng các tài sản có tranh chấp:

[2.1.1] Đối với Diện tích 98,5m2 đất tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc dài 5m giáp đường dân sinh

Phía Đông dài 19,7m giáp đất anh Hoàng Văn Th sử dụng

Phía Tây dài 19,7m giáp đất nhà ông bà YT;

Phía Nam dài 5m giáp đất quy hoạch bến xe cũ.

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp và qua xác minh tại UBND xã CN xác định: phần diện tích đất này thuộc quỹ đất 5% của xã. Ngày 25/3/2002, UBND xã CN bàn giao cho hộ gia đình chị H và anh P sử dụng. Anh chị đã nộp thuế cấp quyền sử dụng đất số 004090 ngày 27/3/2000 tại Chi cục Thuế MS tuy nhiên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất sử dụng ổn định, lâu dài không có tranh chấp, khuôn viên có gianh giới rõ ràng với các hộ sử dụng đất liền kề và thuộc trường hợp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Thửa đất này thuộc quy hoạch xây dựng khu đô thị mới ngã ba Cò Nòi theo Quyết định số

1331/QĐ-UB ngày 21/5/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết khu đô thị mới ngã ba CN, xã CN, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng khu đất này để thực hiện dự án. Việc sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất các năm nên căn cứ vào khoản 2 Điều 49 Luật đất đai năm 2013, người sử dụng đất vẫn được tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định.

[2.1.2] Đối với ngôi nhà xây cấp 4 cùng toàn bộ công trình xây dựng khác trên đất có tranh chấp được vợ chồng chị H, anh P xây dựng từ năm 2014 và các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như kệ ti vi, giường ngủ, tủ học sinh (là các tài sản đang còn sử dụng được và có giá trị) được mua sau khi làm nhà đều là các tài sản chung của vợ chồng, có trong thời kỳ hôn nhân.

[2.1.3] Đối với các tài sản khác như: ti vi, tủ lạnh, máy giặt, bình lọc nước, bếp ga đã bị hỏng, không còn sử dụng được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.1.4] Đối với chiếc xe 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 26B1-945.68 mang tên Nguyễn Thị H trị giá 28.000.000đ, 01 bộ bàn ghế gỗ pơmu trị giá 15.000.000đ. Tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ thì các tài sản trên không có tại nhà của anh chị H, P nên Tòa án không thể xem xét được. Căn cứ các tài liệu do chị H cung cấp (như hóa đơn mua bàn ghế xác định bộ bàn ghế mua năm 2017, phiếu xác nhận phương tiện cơ giới đường bộ xác định thời điểm đăng ký xe là năm 2014) và lời khai thống nhất của chính chị H và anh P về tài sản chung đều xác nhận anh chị có hai tài sản trên là bộ bàn ghế gỗ và xe máy Honda Lead. Căn cứ vào mốc thời gian hình thành tài sản xác định các tài sản trên đều được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh P và chị H. Sau khi ly hôn, xe máy và bộ bàn ghế do anh P quản lý, sử dụng. Mặc dù anh P khai đã cho người khác, chị H khai anh P đã bán cho người khác nhưng không có căn cứ để chứng minh. Do vậy, Tòa án vẫn xác định hai tài sản trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng chị H và anh P. Từ thời điểm ly hôn đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay anh P đang quản lý, sử dụng.

[2.2] Xét yêu cầu của chị Hiền về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do các tài sản chị H yêu cầu chia đều là tài sản của chị H và anh P hình thành trong thời kỳ hôn nhân (từ năm 2000 đến năm 2019). Nên căn cứ quy định tại Điều 59, Điều 62 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc chia tài sản của vợ chồng sau khi ly hôn.

Xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc chia tài sản gồm:

[2.2.1] Về lỗi của các bên trong vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng: Mặc dù tại phiên tòa chị H cho rằng nguyên nhân dẫn đến việc anh chị ly hôn là do lỗi của anh P vì anh P thường xuyên có bạo lực gia đình, đánh đập chửi bới chị. Tuy nhiên chị H không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại tiểu khu về nguyên nhân mâu thuẫn tuy nhiên tiểu khu cũng không được chứng kiến và biết sự việc. Nên không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của chị H.

[2.4.2] Về công sức đóng góp trong việc tạo lập nên khối tài sản chung: Theo lời trình bày của chị H và qua xác minh tại địa phương, các thành viên

trong gia đình chị H, anh P xác định nguồn thu nhập chính của vợ chồng chị H và anh P là do chị H làm kế toán cho doanh nghiệp và anh P làm lái xe buýt. Từ đó anh chị tiết kiệm và có được khối tài sản trên. Hội đồng xét xử xác định công sức đóng góp của vợ chồng anh P, chị H là như nhau trong việc tạo dựng khối tài sản trên.

Căn cứ điểm 2, 3 Điều 59 và Điều 62 Luật hôn nhân gia đình, HĐXX sẽ chia đôi tài sản của vợ chồng chị H và anh P cho mỗi bên. Vì chị H không có chỗ ở và theo bản án ly hôn thì chị H có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử quyết định giao toàn bộ tài sản nhà đất và đồ dùng sinh hoạt trong gia đình gồm kệ ti vi, tủ học sinh bằng gỗ, 2 giường gỗ cho chị H sử dụng. Các tài sản anh P đang quản lý, sử dụng gồm: 01 xe máy, 01 bộ bàn ghế sẽ được giao cho anh P sở hữu. Chị H phải có trách nhiệm trả cho anh P phần trênh lệch về giá trị tài sản được hưởng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, do vậy chị H và anh P phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được Tòa án chia theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[4] Các chi phí tố tụng khác:

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với phần diện tích đất tranh chấp. Do các bên được tòa án phân chia tài sản với giá trị tài sản được chia là như nhau nên chị H và anh P mỗi người phải chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tổng chi phí là 1.800.000 đồng, chị H đã nộp toàn bộ số tiền này nên anh P có trách nhiệm hoàn trả cho chị H số tiền 900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 49, khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013;

Khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn.

Phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cho chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng P theo nguyên tắc chia đôi tài sản chung, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ số tài sản sau:

Quyền sử dụng 98,5m^2 đất tại tiểu khu 2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

Phía Bắc dài 5m giáp đường dân sinh;

Phía Đông dài 19,7m giáp đất anh Hoàng Văn Th sử dụng;

Phía Tây dài 19,7m giáp đất nhà ông bà YT;

Phía Nam dài 5m giáp đất quy hoạch bến xe cũ.

Trong 98,5m^2 đất sử dụng có 75m^2 đất thuộc đất quy hoạch bến xe theo Quyết định số 1331 của UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt dự án khu đô thị mới ngã ba Cò Nòi. Giá trị quyền sử dụng đất là 200.000.000đ.

Và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp 4, tường 10, mái lợp tôn và công trình phụ trên đất gồm nhà vệ sinh và khu vực bán mái đằng trước nhà trị giá: 160.231.500đ; các tài sản trong nhà gồm có: 01 kệ ti vi trị giá 2.000.000đ; 02 giường ngủ trị giá 2.000.000đ; 01 bàn học trị giá 500.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà chị H được sở hữu, sử dụng là 364.731.000đ (Ba trăm sáu mươi tư triệu bảy trăm ba mươi mốt nghìn đồng chẵn).

Anh P được sở hữu tài sản gồm: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 26B1-945.68 mang tên Nguyễn Thị H trị giá 28.000.000đ, 01 bộ bàn ghế gỗ pơmu trị giá 15.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản mà anh P được sở hữu là 43.000.000đ (Bốn mươi ba triệu đồng chẵn).

Chị H có trách nhiệm trả cho anh P phần giá trị tài sản chênh lệch được hưởng là 160.865.500đ (Một trăm sáu mươi triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm đồng chẵn).

(Kèm sơ đồ trích đo hiện trạng sử dụng đất đang tranh chấp kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/01/2020). Chị Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc phải trao trả lại phần diện tích đất được sử dụng cho nhà nước trong trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất được thực hiện theo quy định của Luật đất đai về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 10.193.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS theo biên lai sốAA/2016/0004142 ngày 25/12/2019. Còn phải nộp tiếp số tiền là 8.943.000đ (Tám triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn).

Anh Nguyễn Hồng P phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần tài sản được chia là 10.193.000đ (Mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn đồng chẵn).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.800.000đ Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Hồng P mỗi người chịu một nửa chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 900.000đ.

Do toàn bộ số tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Nguyễn Thị H đã nộp cho Tòa án. Nên anh Nguyễn Hồng P phải trả cho chị H chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản mà anh P phải chịu là 900.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga